| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LẠNG SƠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 08/2023/KDTM-PT
Ngày 11-9-2023
V/v *tranh chấp Hợp đồng kinh tế đối với điều khoản thanh toán và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lộc Sơn Thái;

*Các Thẩm phán:* Ông Cao Đức Chiến;

Ông Chu Long Kiếm.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Hải Đăng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:*** Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn mở phiên tòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2023/TLPT-KDTM, ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc Tranh chấp Hợp đồng kinh tế đối với điều khoản thanh toán và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 11/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần T. Địa chỉ: Số **, đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lý Xuân T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình Sinh, Luật sư văn phòng luật sư Nghĩa - Hiệp, đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn L. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện

H, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn T. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lã Thị Thu H – Luật sư Công ty Luật TNHH W. Địa chỉ: Số **, đường T, phường D, quận C, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Trần Anh K, sinh năm 1973 – Luật sư Công ty Luật TNHH W, có mặt và ông Vũ Sông H, sinh năm 1972 – Luật sư Công ty Luật TNHH W, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số **, đường T, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn H. Địa chỉ: Khu D, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị H, chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

2. Ông Đinh Văn T, sinh năm 1960. Địa chỉ: Khu N, phố H, phường T, quận C, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3. Ông Lâm Phi K, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số **, đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Ông Đặng Hoàng T, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số **, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Trần Anh K, sinh năm 1973 – Luật sư Công ty Luật TNHH W, có mặt và ông Vũ Sông Hồng, sinh năm 1972 – Luật sư Công ty Luật TNHH W, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số **, đường T, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

5. Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số **, đường HuH, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

6. Bà Đinh Kim Y. Địa chỉ: Số **, đường H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

7. Bà Đinh Kim A, sinh năm 1963. Địa chỉ: Khu N, phố H, phường H, quận C, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

8. Anh Đinh Văn Anh T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khu Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đinh Văn Anh T là bà Lã Thị Thu H – Luật sư Công ty Luật TNHH W. Địa chỉ: Số **, đường T, phường D, quận C, thành phố Hà Nội. (Văn bản ủy quyền ngày 16/02/2023) ; có mặt.

9. Bà Đinh Hồng V. Địa chỉ: Số **, đường T, phường T, Thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người kháng cáo: Công ty TNHH Lâm sản T là bị đơn; ông Đinh Văn T, ông Đặng Hoàng T, ông Lâm Phi K, ông Đinh Văn Anh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình giải quyết, nguyên đơn Công ty cổ phần T (gọi tắt là Công ty T) và bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn L (gọi tắt là Công ty L) đều thừa nhận như sau:

Năm 2017, Công ty cổ phần T do ông Lý Xuân T là chủ tịch hội đồng quản trị, ông Đặng Trung L là tổng giám đốc và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lâm sản W - nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn L do ông Đinh Văn T làm chủ tịch hội đồng thành viên - người đại diện theo pháp luật đã ký kết 03 hợp đồng kinh tế:

- Hợp đồng kinh tế số 11/2017/HĐKT ngày 02/01/2017 mua bán gỗ Keo, Bạch đàn có giá trị: 5.468.255.000 đồng.

- Hợp đồng kinh tế số 12/2017/HĐKT ngày 07/01/2017 mua bán gỗ Keo, Bạch đàn có giá trị: 5.681.000.000 đồng.

- Hợp đồng kinh tế số 13/2017/HĐKT ngày 12/01/2017 mua bán gỗ Keo, Bạch đàn có giá trị: 5.297.305.000 đồng.

Tổng giá trị của 03 hợp đồng là 16.446.560.000 đồng.

Tại cấp sơ thẩm:

*Nguyên đơn Công ty cổ phần T trình bày:* Sau khi ký kết 03 hợp đồng trên, Công ty T đã chuyển toàn bộ số tiền hàng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H (gọi tắt là Công ty H) theo các hóa đơn mà Công ty H phát hành (việc chuyển tiền đến Công ty H là do Công ty L chỉ định được ghi trong các hợp đồng) với tổng số tiền 15.490.400.000 đồng. Căn cứ vào các Hợp đồng đã ký, Công ty T đã phát hành 03 hóa đơn Giá trị gia tăng (GTGT) cho Công ty L với tổng giá trị tiền hàng là 16.446.560.000 đồng.

Tại Điều 5 của các hợp đồng nêu trên, hai bên có cam kết: Công ty L nhận hàng vào tháng 01/2017 và sẽ thanh toán toàn bộ tiền hàng cho Công ty T trong tháng 7/2017. Nguyên đơn đã nhiều lần có văn bản hoặc làm việc trực tiếp nhằm đốc thúc thanh toán nợ tuy nhiên bị đơn đưa ra nhiều lý do nhằm khất lần, kéo dài thời gian nhằm đối phó với cơ quan pháp luật và cố tình chiếm dụng vốn của nguyên đơn. Kết thúc thời hạn thanh toán theo các Hợp đồng là tháng 7/2017, cả 02 bên đã làm việc trực tiếp và chốt công nợ. Bị đơn Công ty L nhiều lần đã nhiều lần ký cam kết và hứa hẹn trả nợ nhưng chỉ trả nợ "*nhỏ giọt*", cụ thể:

Năm 2017 Công ty L trả 02 lần được tổng 250.000.000 đồng, năm 2018 trả 09 lần được tổng 572.000.000 đồng, năm 2019 trả 10 lần được tổng 475.000.000 đồng, năm 2020 trả 06 lần được tổng 280.000.000 đồng, năm 2021

trả 06 lần được tổng 395.000.000 đồng, năm 2022 trả 06 lần được tổng 370.000.000 đồng và gần đây nhất năm 2023 trả 02 lần được tổng 40.000.000 đồng. Như vậy từ năm 2017 đến 2023 Công ty L trả nợ được tổng số tiền 2.382.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn:

1. Thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc 14.064.560.000đ

2. Thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lãi phạt hợp đồng phát sinh do thanh toán chậm được tính kể từ thời điểm theo Điều 5 của hợp đồng - thời hạn thanh toán của Công ty L là trong vòng 170 ngày kể từ ngày Công ty T chuyển tiền cho công ty Hoàng Khánh với mức 0,05%/ngày/nợ gốc tính đến thời điểm mở phiên tòa ngày 17/5/2023 là 16.061.676.000đ.

Tiền lãi phạt vi phạm hợp đồng phát sinh kể từ ngày 18/5/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo thỏa thuận trong 03 hợp đồng.

3. Trong trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Công ty T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp 431.969 Cổ phần và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Căn hộ **, khu đô thị Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội số BR 827633 số vào sổ cấp GCN: CN 01965/01/QĐ-UB ngày 01/01/2014 do Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hà Nội cấp cho ông chủ sở hữu ông Đinh Văn Anh T, để thu hồi đủ khoản tiền nợ phải thanh toán theo quy định.

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán khoản nợ thì yêu cầu Công ty L có trách nhiệm phải tiếp tục trả hết khoản nợ.

Ngày 16/5/2023, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Căn hộ **, khu đô thị Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội số BR 827633 số vào sổ cấp GCN: CN 01965/01/QĐ-UB ngày 01/01/2014 do Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hà Nội cấp cho ông chủ sở hữu ông Đinh Văn Anh T.

*Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn L trình bày:* Bị đơn thừa nhận việc đã ký kết và cùng thực hiện 03 hợp đồng kinh tế trên vào tháng 01/2017 như nguyên đơn trình bày. Bị đơn và nguyên đơn đã ký với nhau rất nhiều hợp đồng (khoảng 14 hợp đồng) nên bị đơn không xác định được số tiền đang thanh toán nợ còn lại cho Công ty T từ năm 2017 đến nay là của hợp đồng cụ thể nào nên đề nghị áp dụng pháp luật về thời hiệu khởi kiện để đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn khởi kiện khi đã hết thời hiệu luật định và khởi kiện không đúng đối tượng.

Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 162 Luật doanh nghiệp 2014 các hợp đồng mua bán giữa 02 công ty phải được Hội đồng quản trị của công ty cổ phần thương mại chấp thuận, tuy nhiên phía nguyên đơn không cung cấp được văn

bản chứng minh nên xác định đây là hợp đồng vô hiệu không làm phát sinh thay đổi quyền nghĩa vụ của các bên.

Ngoài ra, bị đơn cũng đã có Đơn phản tố yêu cầu Công ty cổ phần T phải bồi thường cho Công ty TNHH L số tiền 32.848.998.008 đồng và buộc phải xin lỗi công khai trên phương tiện thông tin đại chúng do việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản gây thiệt hại.

Bị đơn thừa nhận có việc ông Đinh Văn T, ông Lâm Phi K, ông Đặng Hoàng T có thực hiện việc giao cổ phần cho Công ty T cầm giữ nhưng các tài liệu do nguyên đơn cung cấp không thể hiện ý chí cam kết về việc dùng tài sản cá nhân là cổ phần của mình để bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán trong trường hợp không trả được nợ, bởi vậy họ không đồng ý việc cơ quan thi án phát mại số cổ phần.

Từ các nhận định trên, đề nghị:

- Căn cứ khoản 1, 2 Điều 184; khoản 1 Điều 27, khoản 5 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng kinh tế đối với điều khoản thanh toán, yêu cầu xử lý tài sản để đảm bảo, lý do là việc nguyên đơn nộp đơn khởi kiệu khi thời hiệu khởi kiện đã hết.

- Căn cứ khoản 1, 2, 4 Điều 162 Luật doanh nghiệp 2014, xác định các hợp đồng số 11-12-13 được ký kết giữa hai công ty là các hợp đồng vô hiệu do các hợp đồng này chưa được hội đồng quản trị Công ty T chấp thuận bằng văn bản, việc vô hiệu sẽ không làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ nên nguyên đơn yêu cầu khởi kiện tính gốc và lãi phạt là không có căn cứ.

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không đủ căn cứ pháp lý để giải quyết.

- Yêu cầu Công ty T trả lại toàn bộ giấy chứng nhận sở hữu cổ phần hiện đang cầm giữ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H là người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn H trình bày*:

Khoảng thời gian từ năm 2015-2017, công ty H do bà là Giám đốc có được ký kết nhiều Hợp đồng với Công ty T để bán lâm sản, trong đó có 03 Hợp đồng kinh tế gồm: Số 01/2017/HĐKT ngày 02/01/2017, số 02/2017/HĐKT ngày 07/01/2017 và số 03/2017/HĐKT ngày 12/01/2017 về việc mua bán gỗ keo, bạch đàn rừng trồng với tổng giá trị là 15.490.4000 đồng.

Chúng tôi đã thực hiện theo đúng các hợp đồng đã ký kết trên, địa điểm giao nhận hàng hai bên thỏa thuận nơi tập kết gỗ tại kho của Công ty TNHH Lâm sản W, có Biên bản giao nhận hàng đầy đủ. Sau khi giao nhận hàng, Công ty T đã thực hiện chuyển khoản thanh toán đủ toàn bộ tiền hàng và chúng tôi đã thực hiện xong các hợp đồng, không còn liên quan.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Văn Anh T (con trai của*

*ông T) có người đại diện theo ủy quyền bà Lã Thị Thu H trình bày:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến việc Công ty T có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đảm bảo là căn hộ **- Đ, Giấy chứng nhận quyền quản lý sử dụng đứng tên của anh vì việc ông Đinh Văn T (là bố) mang tài sản thế chấp tại Công ty T anh không được biết, không có trách nhiệm liên quan, không được ký hợp đồng thế chấp.

Ngày 15/5/2023 bà Lã Thị Thu H đại diện cho anh T có đơn đề nghị Tòa tiến hành trưng cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết được nguyên đơn cho là của ông Đinh Văn Anh T trong bản Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lập ngày 8/3/2026 giữa ông T với Công ty T, đối tượng trưng cầu giám định là dòng chữ viết họ tên Đinh Văn Anh T và 03 chữ ký trong Hợp đồng (tuy nhiên không cung cấp được bản gốc Hợp đồng vì hiện do nguyên đơn đang nắm giữ).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lã Thị Thu H nhất trí và tôn trọng quyền của nguyên đơn về việc rút yêu cầu khởi kiện liên quan đến tài sản, tuy nhiên vẫn yêu cầu Công ty T trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng do anh không hiểu tại sao Công ty T cầm giữ.

*Người có quyền lợi liên quan ông Đặng Hoàng T, ông Lâm Phi K trình bày:* Nhất trí với các ý kiến trình bày của ông Đinh Văn T đại diện cho bị đơn và không nhất trí dùng số cổ phần thuộc sở hữu của mình để xử lý tài sản thế chấp thanh toán nghĩa vụ của công ty.

*Những người có quyền lợi liên quan về phía bị đơn còn lại đều là người trong gia đình, có quan hệ thân thích với ông Đinh Văn T, gồm các bà Nguyễn Thu H, Đinh Kim Y, Đinh Hồng V, Đinh Kim A có ý kiến trình bày đồng nhất:* Việc ủy quyền cho ông Đinh Văn T sử dụng cổ phần chỉ nhằm mục đích cá nhân và không liên quan đến việc đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty L nên không đồng ý yêu cầu về việc xử lý số cổ phần thuộc quyền sở hữu cho Công ty T. Yêu cầu nguyên đơn phải trả lại toàn bộ Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.

*Người làm chứng bà Ma Thị X (nguyên là lãnh đạo phòng kinh doanh của Công ty T giai đoạn từ năm 2015-2018, đã nghỉ hưu từ tháng 6/2018) khai:* Theo chức năng và nhiệm vụ của phòng kinh doanh, bà được biết trước năm 2017 hai công ty đã ký kết, thực hiện rất nhiều hợp đồng kinh doanh mua bán lâm sản, đến đầu năm 2017 ký 03 hợp đồng kinh tế để mua bán gỗ Keo, Bạch đàn. Công ty Lâm sản W đã nhận hàng vào tháng 1/2017 và sẽ phải thanh toán toàn bộ tiền hàng cho Công ty CP T trong tháng 7/2017, phía Công ty T cũng đã phát hành 03 hóa đơn Giá trị gia tăng cho công ty W nay là L với tổng giá trị tiền hàng là 16.446.560.000 đồng. Công ty L có trả nợ nhưng với số tiền rất ít, nhằm chiếm dụng vốn; bà khẳng định những nội dung trong văn bản số 175A/CV-TMLS ngày 30/12/2022 của tổng giám đốc công ty đã nộp cho Tòa án là đúng sự thật.

*Người làm chứng ông Nông Kim T (Kế toán trưởng Công ty T) khai:* Từ tháng 10/2015 đến hết năm 2016 Công ty T và Công ty W (nay là Công ty L) do

ông Đinh Văn T là đại diện theo pháp luật đã ký, thực hiện 11 hợp đồng kinh tế để mua bán gỗ Keo, Bạch đàn (năm 2015 ký 04 hợp đồng trị giá 20.519.240.000đ, năm 2016 thực hiện 07 hợp đồng trị giá 36.880.326.500đ). Công ty W đã thanh toán hợp đồng cho Công ty T năm 2015 số tiền 5.088.500.000đ, năm 2016 là 36.395.540.000đ và đến ngày 04/3/2017 Công ty Woodman đã thanh toán hết số nợ còn lại 15.915.526.500đ của năm 2016 cho Công ty T.

Việc tháng 01/2017 ký kết 03 hợp đồng số 11-12-13 và quá trình thực hiện hợp đồng này cũng như phát sinh sự việc chây ỳ đúng như nguyên đơn và bà Ma Thị X trình bày. Đến hạn thanh toán, hai bên đã nhiều lần đối chiếu công nợ, công ty W đã xác nhận nợ, không phản đối. Việc công ty W phải chịu tiền lãi phát sinh do thanh toán chậm theo thỏa thuận tại các Hợp đồng với mức 0,05%/ngày/số tiền chậm thanh toán là đúng thỏa thuận của các bên.

Để đảm bảo cho việc thực hiện các hợp đồng kinh tế với Công ty T, ông Đinh Văn T đã tự nguyện thế chấp các tài sản là Cổ phần của cá nhân ông T và một số cá nhân khác ủy quyền cho ông T.

*Người làm chứng ông Ngô H (từ năm 2010 đến nay là thành viên hội đồng quản trị, phó tổng giám đốc công ty cổ phần T) khai:*

Việc ký kết các hợp đồng mua bán giữa công ty Cổ phần T và Công ty L diễn ra nhiều lần, trong thời gian dài từ năm 2015, 2016. Ngoài ra, Công ty T còn giao dịch với nhiều công ty, cá nhân, doanh nghiệp khác để thực hiện hoạt động kinh doanh theo chủ trương giao khoán, các thành viên của công ty, nhất là thành viên Hội đồng quản trị chủ động tìm kiếm thị trường, kinh doanh sinh lời.

Trước khi ký kết 03 hợp đồng tháng 01/2017, tổng giám đốc ông Đặng Trung L đã thực hiện việc báo cáo, xin ý kiến và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị công ty (trong đó có ông Đinh Văn T là phó chủ tịch Hội đồng quản trị).

Việc ông Đinh Văn T là thành viên Hội đồng quản trị Công ty T và là chủ tịch Hội đồng thành viên công ty W cùng ông Đặng Hoàng T, Lâm Phi K (thành viên hội đồng quản trị, thành viên góp vốn lớn) tự nguyện đưa số cổ phần thuộc quyền sở hữu hoặc được ủy quyền để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán có từ trước năm 2017 và do Công ty L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty T yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là đúng quy chế hoạt động và đúng thỏa thuận của các hợp đồng trên

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần T:

**1.** Công ty trách nhiệm hữu hạn L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần T tổng số tiền còn nợ **30.126.236.000đ** (ba mươi tỷ, một trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng-đã làm tròn) theo các Hợp đồng kinh tế số 11-12-13/2017/HĐKT đã ký kết, thực hiện lần lượt vào các ngày

02-07-12 tháng 01 năm 2017, trong đó:

- Số tiền nợ gốc 14.064.560.000đ (mười bốn tỷ, không trăm sáu mươi tư triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng) <*Tổng giá trị của 03 hợp đồng kinh tế phải thanh toán là 16.446.560.000 đồng, tuy nhiên kể từ tháng 01/2017 đến tháng 5/2023 Công ty TNHH Lâm sản Thành An Lạng Sơn đã thanh toán 2.382.000.000 đồng và được Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn xác nhận trừ vào tiền nợ gốc*>.

- Số tiền nợ lãi phát sinh do phạt vi phạm điều khoản hợp đồng, thanh toán chậm là 16.061.676.000đồng;

***Phương thức, thời hạn thanh toán:*** Công ty trách nhiệm hữu hạn L có nghĩa vụ thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Công ty Cổ phần T.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm (ngày 17/5/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phạt vi phạm hợp đồng của số tiền nợ gốc còn phải thanh toán theo mức lãi suất 0,05%/ngày (18%/năm) do các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng kinh tế số 11-12-13/2017/HĐKT đã ký kết, thực hiện lần lượt vào các ngày 02-07-12/01/2017, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

**2**. Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ của 03 hợp đồng kinh tế số 11-12-13/2017/HĐKT đã ký kết, thực hiện lần lượt vào các ngày 02-07-12/01/2017 thì Công ty Cổ phần T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là số 431.969 (bốn trăm ba mươi mốt nghìn, chín trăm sáu mươi chín) cổ phần để thu hồi đủ khoản tiền nợ phải thanh toán theo quy định, cụ thể:

***2.1.*** Số cổ phần thuộc sở hữu của ông Đinh Văn T và số cổ phần do ông Đinh Văn T nhận ủy quyền trực tiếp thế chấp, gồm:

- Số 132.300 cổ phần thuộc sở hữu trực tiếp của ông Đinh Văn T (*trong đó có 30.000 cổ phần sở hữu từ ngày 04/5/2015, được ông T thế chấp ngày 05/10/2005 và 100.000 cổ phần đã nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thu H ngày 23/6/2016 cùng với 2.300 cổ phần đã nhận chuyển nhượng của bà Đinh Hồng V ngày 06/6/2016).*

- Số cổ phần do ông Đinh Văn T nhận ủy quyền trực tiếp thế chấp vào ngày 05/10/2015 của bà Nguyễn Thu H 54.500 cổ phần, của bà Đinh Kim Y 19.800 cổ phần và của bà Đinh Kim A 3.300 cổ phần.

***2.2.*** Số 97.000 cổ phần của ông Lâm Phi K sở hữu ngày 04/5/2015, trực tiếp thế chấp ngày 08/3/2016.

***2.3.*** Số 125.069 cổ phần của ông Đặng Hoàng T sở hữu ngày 20/5/2015, trực tiếp thế chấp ngày 08/3/2016.

Số cổ phần và các quyển Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần hiện do Công ty Cổ phần T quản lý, nắm giữ theo các Biên bản giao nhận hồ sơ tài sản thế chấp ngày 05/10/2015 và ngày 08/3/2016 giữa bên giao ông Đinh Văn T, Lâm Phi K,

Đặng Hoàng T với bên nhận có đại diện của Công ty Cổ phần T là ông Đặng L, chức vụ: Tổng giám đốc, ông Nông Kim T, chức vụ: Kế toán trưởng.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán khoản nợ thì công ty trách nhiệm hữu hạn L có nghĩa vụ phải tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết khoản nợ.

**3. Giải quyết các yêu cầu có liên quan.**

***3.1.*** Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của Căn hộ **, khu đô thị Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 827633, số vào sổ cấp GCN: CN 01965/01/QĐ-UB ngày 01/01/2014 do Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hà Nội cấp cho ông Đinh Văn Anh T do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

***Hậu quả pháp lý***: Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

***3.2.*** Không chấp nhận yêu cầu đề nghị áp dụng thời hiệu của bị đơn và người liên quan vì lý do nguyên đơn khởi kiện đã hết thời hiệu để đình chỉ giải quyết vụ án.

***3.3.*** Tách yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn Anh T về việc buộc Công ty cổ phần T phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu tài sản trên đất…để có thể được giải quyết, xét xử bằng một vụ việc khác nếu có yêu cầu, căn cứ theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, bị đơn Công ty TNHH L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn T, ông Đặng Hoàng T, ông Lâm Phi K, ông Đinh Văn Anh T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 02/2023/KDTM-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

1. Người đại diện theo ủy quyền của ông Đinh Văn Anh T là bà Lã Thị Thu H đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Công ty TNHH L đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

3. Các ông Đinh Văn T, ông Đặng Hoàng T, ông Lâm Phi K cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Văn Anh T: Bà Lã Thị Thu H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đinh Văn T, ông Lâm Phi K, ông Đặng Hoàng T: Ông Trần Anh K giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo đúng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vụ án có kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, việc kháng cáo trong thời hạn, đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa phúc thẩm, thấy rằng việc kháng cáo của bị đơn Công ty L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là: Ông Đinh Văn T, ông Đặng Hoàng T, ông Lâm Phi K, anh Đinh Văn Anh T là không có cơ sở để chấp nhận, đề nghị bác toàn bộ kháng cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn và những người kháng cáo ông Đinh Văn T, ông Đặng Hoàng T, ông Lâm Phi K, anh Đinh Văn Anh T phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt người tham gia tố tụng, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, người tham gia tố tụng vắng mặt nói trên đã cung cấp lời khai, văn bản nêu ý kiến; có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Người kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng của ông Đặng Văn T, ông Lâm Phi K, ông Đặng Hoàng T. Tuy nhiên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 23/01/2018 của Công ty L thể hiện thành viên góp vốn bao gồm: ông Đinh Văn T, ông Lâm Phi K và ông Đặng Hoàng T. Trong quá trình kinh doanh những người trên đã thế chấp cổ phần đang sở hữu tại Công ty T cho

chính công ty, nên Tòa án sơ thẩm xác định ông Đinh Văn T, ông Lâm Phi K, ông Đặng Hoàng T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[3] Các đương sự kháng cáo cho rằng Tòa án sơ thẩm đã thực hiện nhiều bước tố tụng không đúng quy định pháp luật: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự " *Trường hợp có quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án thì thời hạn chuẩn bị xét xử được tính lại từ đầu kể từ ngày có quyết định tiếp tục giải quyết vụ án của Tòa án có hiệu lực pháp luật*". Như vậy, Thẩm phán cấp sơ thẩm ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án là đúng và nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện bổ sung là đúng quy định pháp luật.

[4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Văn Anh T và người đại diện theo ủy quyền bà Lã Thị Thu H kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm không xem xét đến yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trong hợp đồng thế chấp ngày 08/3/2016. Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn có đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện về nội dung liên quan đến xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của Căn hộ **, khu đô thị Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội đứng tên anh Đinh Văn Anh T. Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi, bổ sung yêu cầu của mình hoặc thỏa thuận với nhau một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, nguyên đơn xin rút phần yêu cầu xử lý đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất nêu trên là có căn cứ, bản án sơ thẩm đình chỉ giải quyết là đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc anh Đinh Văn Anh T kháng cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Những người kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu độc lập của ông Đinh Văn T, ông Lâm Phi K và ông Đặng Hoàng T. Những yêu cầu này thì nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án xem xét và ý kiến phản đối của những người này được xem xét trong vụ án do vậy không cần phải thụ lý độc lập theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Xét tính hợp pháp của 03 hợp đồng kinh tế số 11-12-13/2017/HĐKT ký kết trong các ngày 02, 07, 12 tháng 01 năm 2017, thấy rằng: Tại thời điểm xác lập các hợp đồng, chủ thể ký kết đều là 02 doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh hợp pháp; các cá nhân giao kết đều là những người đại diện theo pháp luật, có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự; thực hiện theo đúng tôn chỉ mục đích, điều lệ, quy chế hoạt động của công ty nên có quyền tự thỏa thuận, ký kết hợp đồng phù hợp quy định pháp luật. Có căn cứ khẳng định, hợp đồng được ký kết có nội dung không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 117, 119, 398 Bộ luật Dân sự, Điều 24 Luật Thương mại nên đảm bảo các điều kiện để hợp đồng có hiệu lực pháp luật, thi hành.

[7] Sau khi ký kết 03 hợp đồng trên, Công ty T hoàn tất việc giao hàng (có Biên bản giao nhận gỗ Keo, Bạch đàn tại kho của bị đơn), trả tiền cho bên thứ ba là công ty H (có hóa đơn chuyển tiền 15.190.400.000 đồng) và đã thực hiện xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty L với tổng giá trị tiền hàng phải thanh toán 03 hợp đồng là 16.446.560.000 đồng. Tuy nhiên do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo như thỏa thuận trong Hợp đồng.

[8] Tại Điều 5 của 03 hợp đồng, xác định hình thức thanh toán bằng chuyển khoản, thời hạn thanh toán trong vòng 45 ngày bên B chuyển trả 4% trị giá hợp đồng, số còn lại 96% giá trị sẽ phải thanh toán trong thời hạn 170 ngày kể từ ngày bên A chuyển tiền thanh toán cho công ty H (bên bán gỗ cho Công ty T). Điều 07 trách nhiệm của hai bên cuối mỗi đợt giao hàng tiến hành đối chiếu công nợ căn cứ phiếu nhập kho và biên bản giao nhận hàng của từng lần giao hàng trong tháng thanh toán đúng giá, đúng hạn đầy đủ theo điều 02 của hợp đồng này và Điều 08 quy định trách nhiệm do vi phạm hợp đồng nếu bên A (Công ty T) giao hàng không đúng yêu cầu tiến độ cho bên B do lỗi thì bên A sẽ phải chịu phạt 0,05%/ngày trên tổng Giá trị giao hàng chậm. Nếu bên B chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bên A thì bên B phải trả thêm cho bên A lãi suất phạt 0,05%/ ngày trên tổng số tiền chậm thanh toán theo các điều khoản thanh toán trong hợp đồng.

[9] Tại thời điểm quá hạn thanh toán, nguyên đơn đã có công văn số 105 ngày 24/7/2017 yêu cầu bị đơn thanh toán tiền hàng và hàng tháng, hàng năm đều có văn bản đôn đốc yêu cầu bị đơn nhanh chóng thanh toán số tiền nợ. Hai bên cũng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và đối chiếu công nợ với nhau; bị đơn cũng đã nhiều lần có văn bản hồi đáp (bút lục 26, 27). Tại Công văn số 27/TCHC-THANHAN ngày 09/10/2020 của Công ty L cũng đã thừa nhận 03 Hợp đồng trên chưa thực hiện thanh toán với Công ty T và sẽ có trách nhiệm trả hết nợ cho Công ty.

[10] Quá trình trả nợ của bị đơn: Năm 2017 đã trả 250.000.000 đồng, năm 2018 trả 572.000.000 đồng, năm 2019 trả 475.000.000 đồng, năm 2020 trả 281.000.000 đồng, năm 2021 trả 395.000.000 đồng, năm 2022 trả 371.000.000 đồng, gần đây nhất tháng đầu năm 2023 trả 40.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bị đơn đã thanh toán đến trước thời điểm xét xử là 2.382.000.000 đồng. Xác định số tiền gốc đã được bị đơn thừa nhận khi đối chiếu công nợ của ba hợp đồng là 16.446.560.000 đồng trừ đi số tiền gốc đã trả từ năm 2017 đến hiện tại là 2.382.000.000 đồng. Nợ gốc bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn là 14.064.560.000 đồng.

[11] Như đã phân tích ở trên, thấy rằng suốt từ năm 2017 đến năm 2023 thì bị đơn công ty L vẫn thực hiện việc thanh toán với Công ty T. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn cho rằng trong quá trình hợp tác với nguyên đơn có ký kết với nhau 14 hợp đồng kinh tế, việc trả tiền là thanh toán cho 14 hợp đồng, không xác định trả tiền cụ thể cho hợp đồng nào. Còn nguyên đơn thì cho rằng bị đơn còn nợ chưa thanh toán 03 hợp đồng kinh tế số 11 – 12-13 ký kết năm 2017 chưa thanh toán xong nên khởi kiện yêu cầu thanh toán. Như vậy, theo

trình bày của Công ty L hiện vẫn đang thanh toán cho Công ty T, nên việc người kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm sai sót trong việc áp dụng thời hiệu là không có căn cứ.

[12] Căn cứ theo Điều 5, 8 của 03 Hợp đồng kinh tế số 11-12-13 xác định về thời gian tính lãi suất và mức lãi suất. Phía nguyên đơn đã tính số tiền gốc còn nợ của hợp đồng x 0,05%/ngày x số ngày đến hạn của hợp đồng (tương ứng các ngày 10/7/2017-13/7/2017-28/7/2017) tính đến 30/7/2017 và sau đó gộp chung số còn nợ gốc của cả 3 hợp đồng (có trừ đi số gốc sau mỗi lần bị đơn trả) x 0,05%/ngày x số ngày (tính từ 01/8/2017 đến ngày mở phiên tòa xét xử 17/5/2023 = 16.061.676.000 đồng là đúng theo ý chí thỏa thuận của hai bên khi giao kết hợp đồng, không trái quy định của pháp luật.

[13] Kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản để đảm bảo thanh toán nghĩa vụ trả nợ:

[14] Quá trình giải quyết, nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ thể hiện: Ngày 05/10/2015, ông Đinh Văn T đã tự mình thế chấp 132.300 cổ phần và trực tiếp mang thế chấp số cổ phần theo ủy quyền của bà Nguyễn Thu H là 54.500 cổ phần, bà Đinh Kim Y 19.800 cổ phần và bà Đinh Kim A 3.300 cổ phần. Ngày 08/3/2016, ông Lâm Phi K cũng đã tự mình thế chấp 97.000 cổ phần và ông Đặng Hoàng T tự thế chấp 125.069 cổ phần. Tổng số cổ phần được 03 người mang thế chấp và Công ty T đang quản lý, nắm giữ là 431.069 cổ phần. Số cổ phần trên là tài sản sở hữu của các cá nhân tự nguyện thể chấp số cổ phần đã sở hữu cho Công ty T để đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh các sản phẩm gỗ, thực hiện các hợp đồng từ năm 2016.

[15] Việc ông Đinh Văn T, ông Đặng Hoàng T, ông Lâm Phi K thế chấp cổ phần là không trái theo Quy chế hoạt động và quản lý nội bộ của Công ty T nhiệm kỳ 2015-2020; Quy chế hoạt động và quản lý nội bộ sửa đổi, bổ sung của Công ty T nhiệm kỳ 2015- 2020; phù hợp quy định tại Điều 182 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

[16] Theo quy định tại khoản 1 Điều 317 Bộ Luật dân sự, thế chấp tài sản là việc một bên dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Do cổ phần là một loại tài sản nên cổ đông được phép thế chấp đảm bảo biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, khi thế chấp bên thế chấp không giao tài sản là của phần cho bên nhận thế chấp, cổ phần vẫn thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp và các cá nhân đó vẫn có quyền và nghĩa vụ trong công ty cổ phần. Chính vì vậy, từ năm 2015 khi thực hiện được hợp đồng kinh doanh gỗ giữa 02 công ty ông Đinh Văn T và một số cá nhân có cổ phần trong công ty đã dùng cổ phần thuộc sở hữu của mình trực tiếp thế chấp cho Công ty T làm tài sản đảm bảo để thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại các Điều 292, 295 Bộ luật Dân sự.

[17] Sau khi thế chấp tài sản, đầu năm 2017 Công ty T và công ty W đã ký ba hợp đồng kinh tế, đại diện pháp nhân Công ty T do ông Đặng Trung L là tổng giám đốc đã báo cáo và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị (do ông Thanh là chủ tịch HĐQT đứng đầu), bản thân ông Đinh Văn T khi đó là phó chủ

tịch hội đồng quản trị của công ty cổ phần T đương nhiên nhất trí và không có ý kiến phản đối. Việc bị đơn và ông Đinh Văn T cho rằng phía nguyên đơn không cung cấp được văn bản của Đặng Trung L trình Hội đồng quản trị nên việc tổng giám đốc ký kết hợp đồng không đúng quy định nên vô hiệu. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đặng Trung L khẳng định đã báo cáo với hội đồng quản trị, phía ông Lý Xuân T là chủ tịch hội đồng quản trị và người làm chứng ông Ngô H là thành viên HĐQT – phó tổng giám đốc cũng xác nhận việc Hội đồng quản trị đều đã được thông báo nội dung và đều nhất trí việc giao cho tổng giám đốc ký kết 03 hợp đồng kinh tế. Hơn nữa việc báo cáo bằng miệng cũng phù hợp quy định tại Điều 13 Quy chế hoạt động và quản lý nội bộ của Công ty T. 02 Công ty đã thực hiện các Hợp đồng không có tranh chấp về

[18] Các cá nhân tự thế chấp hoặc đưa cổ phần của mình cho ông Đinh Văn T thế chấp cho Công ty T (Việc thế chấp này không phải đăng ký biện pháp đảm bảo theo quy định) đều là người có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc không vi phạm điều cấm của luật nên việc thế chấp tài sản là phù hợp với quy định tại các điều 117, 118, 119 và điều 292 của Bộ luật dân sự quy định về điều kiện, mục đích, hình thức của giao dịch dân sự, biện pháp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ.

[19] Việc kinh doanh giữa 02 Công ty đã được diễn ra liên tục từ năm 2015, với khoảng 14 hợp đồng đã ký kết thực hiện trên cơ sở các hợp đồng thế chấp tài sản có nội dung để đảm bảo nghĩa vụ kinh doanh gỗ nên không quy định thời gian thế chấp là bao lâu và thế chấp cụ thể đối với hợp đồng cụ thể nào. Do vậy, trong quá trình thực hiện bất cứ hợp đồng kinh tế nào giữa 2 công ty, nếu bên thế chấp không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì bên nhận thế chấp sẽ đương nhiên có quyền xử lý đối với tài sản đảm bảo theo quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự để thanh toán nợ khoản nợ đến hạn, xử lý vi phạm hợp đồng.

[20] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn T, ông Đặng Hoàng T, ông Lâm Phi K, anh Đinh Văn Anh T là không có căn cứ chấp nhận.

[21] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa, đề nghị nào phù hợp với nhận định trên thì được chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

[22] Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên án sơ thẩm nên những người kháng cáo phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án;

**1**. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn T, ông Đặng Hoàng T, ông Lâm Phi K, anh Đinh Văn Anh T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

**2**. Về án phí phúc thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn L phải chịu tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm . Xác nhận Công ty Trách nhiệm hữu hạn L đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004598 ngày 20/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Ông Đinh Văn T phải chịu tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Xác nhận ông Đinh Văn T đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004596 ngày 20/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Ông Lâm Phi K phải chịu tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Xác nhận ông Lâm Phi K đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004595 ngày 20/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Ông Đặng Hoàng T phải chịu tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Xác nhận ông Đặng Hoàng T đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004593 ngày 20/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Anh Đinh Văn Anh T phải chịu tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Xác nhận anh Đinh Văn Anh T đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004594 ngày 20/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Tổ HCTP, Phòng KTNV&THA;
- TAND h. Hữu Lũng, T.Lạng Sơn;
- CCTHADS h. H, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, TDS, HCTP.

**Lộc Sơn Thái**